NGHỊ ĐỊNH THƯ SỬA ĐỔI
HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ ĐẠI HÀN DÂN QUỐC
VỀ
HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ LẪN NHAU TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc, sau đây gọi tắt là "các Bên";

Trên cơ sở các điều ước quốc tế mà hai Bên là thành viên và pháp luật quốc gia của hai nước;

Nhận thức tầm quan trọng của việc tạo một môi trường thương mại thuận lợi và khuyến khích việc sử dụng Hiệp định Thương mại tự do và nhất trí tăng cường hợp tác hơn nữa trong các nội dung liên quan đến xuất xứ;

Xem xét nhu cầu hợp tác về công nhận lẫn nhau về Doanh nghiệp ưu tiên; và

Trên cơ sở khoản 3 Điều 12 của Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc về hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan (sau đây gọi tắt là "Hiệp định") được ký tại Hà Nội tháng ngày 10/3/1995 và có hiệu lực ngày 9/4/1995;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Điều 1 của Hiệp định sẽ được thay thế như sau:

"1. "pháp luật hải quan" là mọi điều khoản do luật và các văn bản dưới luật mà mỗi bên ký kết ban hành liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa, hoặc bất cứ thủ tục hải quan nào khác liên quan đến thuế hải quan và các loại thuế khác hoặc các biện pháp cấm, hạn chế hoặc kiểm soát việc vận chuyển hàng hóa qua biên giới quốc gia.

2. "hành vi vi phạm" là mọi hành vi vi phạm pháp luật hải quan cũng như mọi hành vi chủ tâm vi phạm pháp luật đó.

3. "Cơ quan Hải quan" là, ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Tổng cục Hải quan, thuộc Bộ Tài chính và ở Đại Hàn Dân Quốc là Cơ quan Hải quan Hàn Quốc.

S.N.Y

4. “Bên yêu cầu” là bên đưa ra đề nghị hỗ trợ về các vấn đề hải quan.

5. “Bên được yêu cầu” là bên tiếp nhận đề nghị hỗ trợ về các vấn đề hải quan.”

2. Bổ sung các khoản mới từ 6 đến 10 như sau vào Điều 1 của Hiệp định:

“6. “lãnh thổ hải quan” là nơi pháp luật hải quan được áp dụng.

7. “Hiệp định Thương mại tự do” (sau đây gọi là “FTA”) là các Hiệp định Thương mại tự do mà cả hai Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc là thành viên.

8. “Doanh nghiệp ưu tiên” (sau đây gọi là "AEO") là doanh nghiệp được các Cơ quan Hải quan của các Bên công nhận là tuân thủ các tiêu chuẩn của dây chuyền cung ứng về an ninh và tạo thuận lợi thương mại theo quy định của các Bên trên cơ sở khuyến nghị của Tổ chức Hải quan Thế giới.

9. "Thỏa thuận Công nhận Lẫn nhau" (sau đây gọi là "MRA") là thỏa thuận giữa các Cơ quan Hải quan của các Bên rằng cam kết tạo ra các ưu đãi lẫn nhau về tạo thuận lợi thông quan hải quan cho các AEO được công nhận lẫn nhau.

10. “Thông tin để thực hiện FTA” là dữ liệu có cấu trúc xác thực và có liên quan từ tờ khai hải quan và giấy chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa giao thương giữa các Bên ký kết trong khuôn khổ các FTA”.

Điều 2

1. Sửa Điều 2 của Hiệp định như sau:

a) Thay khoản 5 bằng:

“5. các hoạt động phối hợp nhằm đạt được và triển khai MRA về chương trình AEO để đảm bảo tạo thuận lợi thương mại và an ninh”.

b) Bổ sung khoản 6 và 7 như sau:

“6. trao đổi thông tin để thực hiện FTA.

7. các lĩnh vực hợp tác khác mà hai Bên cùng nhất trí.”

2. Bổ sung khoản mới sau vào Điều 3 của Hiệp định:

“3. Cơ quan Hải quan của một Bên, theo yêu cầu của Cơ quan Hải quan Bên ký kết kia, sẽ cung cấp các thông tin có thể trợ giúp cho hai Bên đánh giá rủi

S.W.Y.

ro phục vụ cho mục đích kiểm soát và tạo điều kiện thuận lợi thương mại và có thể hỗ trợ việc xác minh các hành vi nghi ngờ vi phạm.

4. Trong trường hợp nghiêm trọng và cần thiết, khi một Cơ quan Hải quan yêu cầu thì Cơ quan Hải quan được yêu cầu trong phạm vi và khả năng của mình sẽ xem xét việc phối hợp điều tra với cơ quan hải quan yêu cầu bao gồm cung cấp thông tin và chứng cứ trên lãnh thổ hải quan của quốc gia Cơ quan Hải quan được yêu cầu, theo pháp luật của quốc gia Cơ quan Hải quan được yêu cầu và các điều ước quốc tế mà các Bên ký kết là thành viên."

3. Sửa khoản 2 và 3 của Điều 4 của Hiệp định như sau:

"2. Các xu hướng, phương tiện và cách thức mới áp dụng trong các vi phạm này;

3. Hàng hóa và phương tiện được cho là liên quan đến các vi phạm pháp luật hải quan;".

4. Điều 5 của Hiệp định được sửa như sau:

a) xóa từ "và" ở cuối khoản 3; và

b) theo đó sửa khoản 4 và bổ sung khoản 5 mới như sau:

"4. trao đổi thông tin về các hoạt động thực hiện với nước thứ ba trong khuôn khổ Tổ chức Hải quan Thế giới; và

5. trao đổi các kỹ thuật liên quan đến quản lý hải quan giữa các Cơ quan Hải quan của các Bên."

5. Sửa khoản 1 Điều 10 của Hiệp định như sau:

"1. Thông tin, tài liệu và các trao đổi khác mà Cơ quan Hải quan của một trong hai Bên nhận được theo Hiệp định được coi như tài liệu mật và được bảo quản theo quy định pháp luật của Bên đó và theo đề nghị của Bên thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin và tài liệu đó"

Điều 3

1. Bổ sung Điều 4bis mới sau Điều 4 hiện tại của Hiệp định như sau:

"Điều 4bis
Nỗ lực chung thực hiện MRA

1. Các Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết sẽ hợp tác với nhau để thúc đẩy các chương trình AEO thông qua chia sẻ các thông lệ phổ biến và thông tin, để đạt được mục tiêu chia sẻ về an ninh và tạo thuận lợi trong thương mại toàn cầu.

S.W.Y

2. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày Nghị định thư này có hiệu lực sửa đổi Hiệp định, các Cơ quan Hải quan của các Bên sẽ tham vấn về MRA. Hai Cơ quan Hải quan sẽ ký và thực hiện MRA không muộn hơn 15 tháng kể từ ngày Nghị định thư này có hiệu lực."

2. Bổ sung Điều 5bis mới sau Điều 5 hiện tại của Hiệp định như sau:

"Điều 5bis:
Trao đổi thông tin để thực hiện FTA

1. Các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm thực hiện FTA của các Bên sẽ cố gắng hợp tác để trao đổi Thông tin để thực hiện FTA.

2. Cơ quan Hải quan sẽ ký và thực hiện các biên bản ghi nhớ để trao đổi thông tin để thực hiện FTA."

Điều 4

1. Các Cơ quan Hải quan của các Bên sẽ cố gắng cùng nhất trí giải quyết mọi vấn đề hoặc bất đồng phát sinh trong quá trình giải thích hoặc thực hiện Nghị định thư này.

2. Nghị định thư này có hiệu lực 30 ngày sau ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản thông qua đường ngoại giao của các Bên ký kết thông báo rằng thủ tục nội bộ cần thiết để Nghị định thư có hiệu lực đã được hoàn thành.

3. Nghị định thư này là một phần không tách rời của Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký dưới đây, với sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ từng nước, đã ký Nghị định thư này.

Nghị định thư này được ký tại Seoul ngày 05 tháng 12 năm 2022 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ ĐẠI HÀN DÂN QUỐC**
CAO ANH TUẤN **Thứ trưởng** **Bộ Tài chính**	**YOON TAESIK** **Cao Ủy** **Hải quan Hàn Quốc**

PROTOCOL AMENDING THE AGREEMENT BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA CONCERNING COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE IN CUSTOMS MATTERS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of Republic of Korea (hereinafter referred to as the "Contracting Parties"),

Having regard to the international treaties to which both Contracting Parties are parties and to the national legislation of the two countries;

Recognizing the importance of creating a favorable trade environment, encouraging the use of free trade agreements and further strengthening cooperation in origin-related matters;

Considering the need for cooperation on the mutual recognition of Authorized Economic Operators; and

Having regard to paragraph 3 of Article 12 of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Korea concerning Cooperation and Mutual Assistance in Customs Matters (hereinafter referred to as the "Agreement") which was signed at Ha Noi on the 10th day of March, 1995 and entered into force on the 9th day of April, 1995;

Have agreed as follows:

Article 1

1. Article 1 of the Agreement shall be replaced by the following:

"1. "customs legislation" shall mean provisions laid down by laws or regulations concerning the importation, exportation of goods or any other customs procedure, whether related to customs duties and other taxes or to measures of prohibition, restriction or control regarding the movement of goods across the national boundaries.

S.W.Y.

2. "contravention" shall mean any violation of customs legislation as well as any attempted violation of such legislation.

3. "Customs Authorities" shall mean, in the Socialist Republic of Viet Nam, the General Department of Viet Nam Customs which belongs to the Ministry of Finance and, in the Republic of Korea, the Korea Customs Service.

4. "requesting Contracting Party" shall mean the Contracting Party which makes a request for assistance in customs matters.

5. "requested Contracting Party" shall mean the Contracting Party which receives a request for assistance in customs matters."

2. The following new paragraphs from 6 to 10 shall be added to Article 1 of the Agreement:

"6. "customs territory" shall mean the territory where the customs legislation applies.

7. "Free Trade Agreement(s)" (hereinafter referred to as "FTA(s)") shall mean the free trade agreement(s) to which both the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Korea are parties.

8. "Authorized Economic Operator" (hereinafter referred to as an "AEO") shall mean an entity approved by the Customs Authorities of the Contracting Parties as complying with supply chain standards to secure and facilitate trade according to regulations issued by the related Contracting Party as recommended by the World Customs Organization.

9. "Mutual Recognition Arrangement" (hereinafter referred to as the "MRA") shall mean the arrangement between the Customs Authorities of the Contracting Parties that commits to providing the reciprocal benefits of customs clearance facilitation for mutually recognized AEOs.

10. "information for the implementation of FTA(s)" shall mean relevant and authentic structured data from customs declarations and certificates on the origin of goods traded between the Contracting Parties under the framework of FTA(s)."

S.W.Y.

Article 2

1. Article 2 of the Agreement shall be amended as follows:

a) Paragraph 5 shall be replaced with:

"5. joint work toward the achievement and implementation of the MRA for the respective AEO programs to ensure trade facilitation and security."

b) The following paragraphs 6 and 7 shall be added:

"6. exchange of information for the implementation of FTA(s).

7. other areas of cooperation as may be mutually agreed upon."

2. The following new paragraphs shall be added to Article 3 of the Agreement:

"3. The Customs Authority of one Contracting Party, upon request of the Customs Authority of the other Contracting Party, shall provide information that could assist the Customs Authorities in risk assessment for control and trade facilitation and could assist in the verification of suspected contraventions.

4. In serious and necessary cases, upon request of the requesting Customs Authority, the requested Customs Authority shall consider investigative cooperation with the requesting Customs Authority, within the requested Customs Authority's competence and resources, including the provision of information and evidence in the customs territory of the requested Customs Authority, in accordance with the national legislation of the country of the requested Customs Authority and the international treaties to which both Contracting Parties are parties."

3. Paragraphs 2 and 3 of Article 4 of the Agreement shall be amended to read as follows:

"2. new trends, means or methods used in committing such operations;

3. goods and means of transport known to be involved in substantial contravention of customs legislation;"

4. Article 5 of the Agreement shall be amended as follows:

a) the word "and" at the end of paragraph 3 shall be deleted; and

S.W.Y

b) paragraph 4 thereof shall be amended and a new paragraph 5 shall be added as follows:

"4. exchange of information on actions undertaken with third countries in the framework of the World Customs Organization; and

5. exchange of techniques relating to customs management between the Customs Authorities of the Contracting Parties."

5. Paragraph 1 of Article 10 of the Agreement shall be amended to read as follows:

"1. The information, documents and other communications received by either Customs Authority of a Contracting Party under this Agreement shall be treated as confidential and shall be granted the protection extended to the same kind of information and documents under the laws and regulations of that Contracting Party and as requested by the Contracting Party providing such information and documents. "

Article 3

1. A new Article 4bis shall be added after the existing Article 4 of the Agreement as follows:

"Article 4bis
Joint Efforts for the MRA

1. The Customs Authorities of the Contracting Parties shall cooperate to advance their respective AEO programs by sharing best practices and information, in order to achieve the shared goals of security in and the facilitation of global trade.

2. Within three months from the date of the entry into force of the Protocol to this Agreement, the Customs Authorities of the Contracting Parties shall commence consultations on the MRA. The Customs Authorities shall sign and implement the MRA no later than fifteen months from the date of entry into force of the Protocol."

2. A new Article 5bis shall be added after the existing Article 5 of the Agreement as follows:

S.W.Y.

"Article 5bis
Exchange of Information for the Implementation of FTA(s)

1. The competent authorities responsible for the implementation of FTA(s) shall endeavor to cooperate to exchange information for the implementation of FTA(s).

2. The Customs Authorities of the Contracting Parties shall sign and implement separate memoranda of understanding to exchange information for the implementation of FTA(s). "

Article 4

1. The Customs Authorities of the Contracting Parties shall endeavor by mutual accord to resolve any problems or doubts arising from the interpretation or application of this Protocol.

2. This Protocol shall enter into force thirty days after the date of receipt of the last written notification through diplomatic channels by which the Contracting Parties inform each other that their internal procedures necessary for its entry into force have been fulfilled.

3. This Protocol shall form an integral part of the Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Protocol.

Done in duplicate at Seoul, on the 05th day of December, 2022, in the Vietnamese, Korean and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA
CAO ANH TUAN Deputy Minister Ministry of Finance	YOON TAESIK Commissioner Korea Customs Service

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부간의 세관분야에서의 협력 및 상호지원에 관한 협정의 개정의정서

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부(이하 "체약당사자"라 한다)는,

양 체약당사자가 당사자인 국제 조약과 양국의 국내 법령을 고려하고,

우호적인 무역환경을 조성하고 자유무역협정의 이용을 장려하며 원산지 관련 사안에서의 협력을 더욱 강화하는 것이 중요함을 인식하며,

수출입 안전관리 우수업체의 상호인정에 관하여 협력할 필요성을 고려하고,

1995년 3월 10일 하노이에서 서명되고 1995년 4월 9일 발효한 「베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부간의 세관분야에서의 협력 및 상호지원에 관한 협정」(이하 "협정"이라 한다) 제12조제3항을 고려하면서,

다음과 같이 합의하였다.

S.W.Y.

제1조

1. 협정 제1조는 다음으로 대체된다.

"1. "관세법"이란 관세 및 그 밖의 조세와 관련되는지, 또는 국경을 통과하는 물품의 이동에 관한 금지, 제한 또는 통제 조치와 관련되는지 여부와 관계없이, 물품의 수출입이나 그 밖의 세관 절차에 관하여 법령에서 정한 규정을 말한다.

2. "위반"이란 관세법의 위반과 그러한 법의 위반 미수를 말한다.

3. "세관당국"이란 대한민국에서는 관세청을, 베트남사회주의공화국에서는 재무부에 소속된 베트남 관세총국을 말한다.

4. "요청 체약당사자"란 세관 분야에서 지원을 요청하는 체약당사자를 말한다.

5. "피요청 체약당사자"란 세관 분야에서 지원을 요청받는 체약당사자를 말한다."

S.W.Y.

2. 다음의 제6항부터 제10항이 협정 제1조에 새롭게 추가된다.

"6. "관세 영역"이란 관세법이 적용되는 영역을 말한다.

7. "자유무역협정(이하 "FTA"라 한다)"이란 대한민국 정부와 베트남사회주의공화국 정부가 모두 당사자인 자유무역협정을 말한다.

8. "수출입 안전관리 우수업체(이하 "AEO"라 한다)"란 관련 체약당사자가 세계관세기구가 권고한 대로 공표한 규정에 따라 체약당사자의 세관당국이 무역안전과 원활화를 위한 공급망 기준을 준수하는 것으로 승인한 업체를 말한다.

9. "상호인정약정(이하 "MRA"라 한다)"이란 상호 인정된 AEO를 위한 통관 원활화의 혜택을 상호 제공하기로 약속하는 체약당사자의 세관당국 간 약정을 말한다.

10. "FTA의 이행을 위한 정보"란 FTA의 체계에서 체약당사자 간에 거래되는 물품의 세관신고서와 원산지증명서로부터 생성되는 적절하고 진본인 구조화된 데이터를 말한다."

S.M.Y.

제2조

1. 협정 제2조는 다음과 같이 개정된다.

가. 제5항은 다음으로 대체된다.

"5. 각자의 AEO 제도가 무역 원활화와 안전을 보장하도록 MRA를 체결하고 이행하기 위한 공동 작업"

나. 다음의 제6항 및 제7항이 추가된다.

"6. FTA의 이행을 위한 정보 교환

7. 상호 합의하는 그 밖의 협력 분야"

2. 다음 항이 협정 제3조에 새롭게 추가된다.

"3. 한쪽 체약당사자의 세관당국은, 다른 쪽 체약당사자의 세관당국의 요청에 따라, 세관당국이 통제 및 무역 원활화를 위하여 위험을 평가하고 위반 의심 행위를 확인하는 데 도움을 줄 수 있는 정보를 제공한다.

4. 중대하고 필수적인 사안의 경우, 피요청당국은 요청당국의 요청에 따라, 피요청당국의 권한과 자원 내에서, 피요청당국 국가의 국내법과 양 체약당사자가 모두 당사자인 국제 조약에 따라, 피요청당국의 관세 영역에 있는 정보와 증거의 제공을 포함하여, 요청당국과 조사에서 협력하는 것을 고려한다."

3. 협정 제4조의 제2항 및 제3항은 다음과 같이 개정된다.

"2. 그러한 행위를 하는 데 사용된 새로운 수단, 방법 또는 동향

3. 관세법의 실질적인 위반과 관련된 것으로 알려진 물품과 운송 수단"

4. 협정 제5조는 다음과 같이 개정된다.

가. 제3항 끝의 "그리고"는 삭제된다. 그리고

나. 제4항은 다음과 같이 개정되며, 제5항이 다음과 같이 새롭게 추가된다.

"4. 세계관세기구의 체계 내에서 제3국과 한 행동에 관한 정보의 교환, 그리고

5. 체약당사자의 세관당국 간 세관 운영에 관한 기술의 교류"

S.W.R.

5. 협정 제10조제1항은 다음과 같이 개정된다.

"1. 이 협정에 따라 어느 한쪽 체약당사자의 세관당국이 접수한 정보, 문서와 그 밖의 교신은 비밀로 취급되며, 그러한 정보와 문서를 제공한 체약당사자의 요청에 따라 그 어느 한쪽 체약당사자의 법령에서 동일한 종류의 정보와 문서에 제공하는 보호가 부여된다."

제3조

1. 제4조의2가 기존의 협정 제4조 뒤에 다음과 같이 새롭게 추가된다.

"제4조의2

MRA를 위한 공동의 노력

1. 체약당사자의 세관당국은, 국제무역의 안전과 원활화라는 공동의 목표를 달성하기 위하여 우수 사례와 정보를 공유함으로써 그들 각자의 AEO 제도를 발전시키기 위하여 협력한다.

2. 체약당사자의 세관당국은 이 협정 의정서의 발효일부터 3개월 내에 MRA에 관한 협의를 시작한다. 세관당국은 의정서의 발효일부터 늦어도 15개월 내에

MRA에 서명하고 이를 이행한다."

2. 제5조의2가 기존의 협정 제5조 뒤에 다음과 같이 새롭게 추가된다.

"제5조의2

FTA의 이행을 위한 정보의 교환

1. FTA의 이행을 담당하는 권한 있는 당국은 FTA의 이행을 위한 정보의 교환을 위하여 협력하도록 노력한다.
2. 체약당사자의 세관당국은 FTA의 이행을 위한 정보의 교환을 위하여 별도의 양해각서에 서명하고 이를 이행한다."

제4조

1. 체약당사자의 세관당국은 이 의정서의 해석 또는 적용에서 발생하는 문제나 의문 사항을 상호 합의로 해결하도록 노력한다.

2. 이 의정서는 체약당사자가 의정서의 발효에 필요한 자국의 내부 절차가 완료되었음을 알리는 상호 통보의 마지막 서면 통보를 외교경로를 통하여 접수한 날 후 30일째 되는 날에 발효한다.

3. 이 의정서는 협정의 불가분의 일부를 구성한다.

이상의 증거로, 아래 서명자는 그들 각자의 정부로부터 정당하게 권한을 위임받아 이 의정서에 서명하였다.

2022 년 12 월 5 일 서울에서 베트남어, 한국어 및 영어로 2부씩 작성하였으며, 모든 언어본은 동등하게 정본이다. 해석상 차이가 있는 경우, 영어본이 우선한다.

베트남사회주의공화국 정부를 대표하여

가오 안 두언
재무부차관

대한민국 정부를 대표하여

윤 태 식

윤태식
관세청장